

Số: /KH-UBND

Tân Thịnh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Tân Thịnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Định Hóa về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện Định Hóa đến 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Tân Thịnh đến 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành của nhà nước tiến tới xây dựng phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành sức cạnh tranh trên thị trường.

Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số phải đồng bộ với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số của huyện, đồng thời đảm bảo các mục tiêu tại Chương trình hành động số 07-CTr/HU ngày 12/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 26/07/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Thịnh về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch 57/KH-UBND ngày 19/8/2021 của UBND xã Tân Thịnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số xã Tân Thịnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

1.2. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 94%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

2.1. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.

2.2. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 98% .
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.
- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Thề chế

- Hàng năm tổ chức rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với các chỉ đạo hướng dẫn của tỉnh, huyện và điều kiện thực tế của xã; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng cao tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

1.2. Hạ tầng

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của huyện và xã.

- Tập trung triển khai các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu tại Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện về phát triển hạ tầng số huyện Định Hóa giai đoạn 2023-2025.

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện, xã sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, trang thông tin điện tử, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của huyện, xã sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

1.3. Phát triển dữ liệu số và nền tảng số

- Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia; Kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

- Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Áp dụng triển khai sử dụng các nền tảng quốc gia do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ lõi, sử dụng thống nhất trên toàn toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch công phục vụ xã hội.

- Nghiên cứu đưa vào triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ lõi, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và xã hội đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển, duy trì nền tảng số phục vụ xây dựng xã hội số

đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

1.4. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia.
- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.
- Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.
- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.
- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

1.5. Nhân lực số

- Triển khai ứng dụng các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động.
- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.
- Triển khai hoàn thiện CSDL về nguồn lao động có thể dự báo được nhu cầu lao động hàng năm về nguồn nhân lực số.

1.6. Kỹ năng số, công dân số, văn hoá số

- Triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện đến năm 2025.
- Tham gia Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCs).
- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo kỹ năng số, học sinh trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.
- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.
- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, sử dụng tài khoản định danh điện tử VNEID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các nền tảng y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

1.7. Doanh nghiệp số

- Thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn xã thực hiện chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế số của tỉnh, huyện, xã.

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; vận động, hướng dẫn và đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn đảm bảo theo quy định. Có chính sách hỗ trợ, các hình thức tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số.

1.8. Thanh toán số

- Thực hiện có hiệu quả việc thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile money, tập trung ưu tiên ở nơi có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trạm y tế, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

- Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử; Dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia kết nối với Trang thông tin điện tử ngành thuế; Các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế là tổ chức và cá nhân cho phép người nộp thuế thực hiện nộp thuế, hoàn thuế hoàn và thực hiện các dịch vụ, giao dịch thanh toán khác bằng phương thức điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

Tập trung các nguồn lực triển khai nhằm hoàn thiện các mục tiêu về phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực tại Chương trình hành động số 07-CTr/HU ngày 12/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 26/07/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Thịnh về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

2.1. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp.

- Triển khai các Nền tảng Ứng dụng số Nông nghiệp Thái Nguyên và các nền tảng số khác phục vụ nhiệm vụ được giao; tập trung xây dựng các CSDL như: Quản lý chất lượng Nông sản; Nông thôn mới; sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm OCOP; Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Lâm nghiệp; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Phát triển nông thôn; Khuyến nông...

- Triển khai các ứng dụng số về thương mại điện tử, thanh toán điện tử, đưa các sản phẩm lên sàn thương mại đi đôi với tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống Hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ

nông dân chuyên đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số.

2.2. Y tế

Tập trung triển khai các nền tảng: Chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; triển khai các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

2.3. Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

- Triển khai xây dựng kho CSDL tài liệu điện tử ngành giáo dục.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; tiếp tục triển khai nền tảng an sinh xã hội điện tử; Nền tảng dữ liệu số về lao động; CSDL người có công,...

2.5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”.

- Quản lý, giám sát tình hình thị trường hàng hóa; chống gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển (hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo,...); tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử.

- Triển khai Nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

2.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Ứng dụng chuyển đổi số trong du lịch, thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch quốc gia nhằm phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và

các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.

2.7. Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và carbon thấp, thân thiện với môi trường.

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn hóa – Xã hội (Văn hóa Thông tin TĐTT)

- Tham mưu cho xã thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; tham mưu quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn các cơ quan, ngành, lĩnh vực triển khai thực hiện kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Phối hợp với phòng chuyên môn huyện triển khai các nội dung, nền tảng dùng chung, tạo lập môi trường chuyển đổi số.

- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND huyện theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Kế hoạch, xây dựng nội dung tuyên truyền thiết thực về ý nghĩa, tầm quan trọng, các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện, xã để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia.

2. Công chức Văn phòng – Thống kê

Phối hợp với Công chức Văn hóa – Xã hội triển khai đồng bộ các nội dung Kế hoạch đến cơ quan UBND xã và các đơ quan, doanh nghiệp, y tế, trường học và các xóm trên địa bàn xã tổ chức thực hiện. Tham mưu thực hiện các giải pháp thực hiện có hiệu quả trong cơ quan. Triển khai thực hiện chuyển đổi số hằng năm, nhiệm vụ giải pháp theo kế hoạch.

3. Công chức Tài chính - Kế toán

Tham mưu cho UBND xã xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

4. Cán bộ, công chức, các ngành, lĩnh vực

Căn cứ nội dung, nhiệm vụ và giải pháp trong kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phụ trách.

5. UB.MTTQ xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về thực hiện chuyển đổi số. Tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của chương

trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, hạ tầng số; tuyên truyền, vận động Nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số, áp dụng các kết quả chuyển đổi số trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế,... và các nội dung giải pháp theo kế hoạch.

5. Các trường học, trạm y tế và các cơ quan doanh nghiệp liên quan

Căn cứ nội dung, nhiệm vụ và giải pháp trong kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ của ngành, đơn vị.

6. Các xóm trên địa bàn xã

Tăng cường tuyên truyền thường xuyên liên tục mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện các nội dung trong kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Tân Thịnh đến 2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu các ngành, các lĩnh vực, cơ quan, doanh nghiệp và các xóm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-TT huyện Định Hóa;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Thịnh
- UB.MTTQ xã Tân Thịnh;
- Các ngành, lĩnh vực, đơn vị liên quan;
- Các xóm trên địa bàn xã Tân Thịnh;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Hòa